

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HS-ST
Ngày: 26-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Quang
Ông Phạm Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Sỹ T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1994. Quê quán: Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu T trú và nơi ở: Tổ 2 M, phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trương Sỹ C, sinh năm 1966 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1968; Gia đình có 2 anh em. Bị can là con thứ hai; Có vợ là Lê Thị Bích V, sinh năm 1998; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 23/4/2021 cho đến nay. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. (Có mặt).

**Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1996. Vắng mặt.

2. NLC2, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 16, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 3/2020, Trương Sỹ T sử dụng tài khoản Facebook (FB) cá nhân có tên “Trương Sỹ T” tham gia mạng xã hội và đọc được bài viết quảng cáo bán tiền giả trong nhóm “Tham gia là có tiền” của tài khoản “Song Long Tài Chính” do NLC1, NLC2 quản lý, sử dụng. Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên Trương Sỹ T nảy sinh ý định mua tiền giả. Trương Sỹ T sử dụng FB “Trương Sỹ T” nhắn tin với FB “Song Long Tài Chính” đặt mua tiền giả hai lần. Các đối tượng thống nhất tiền giả được mua bán theo tỉ lệ 1:6 (tức 01 triệu đồng tiền thật mua được 06 triệu đồng tiền giả) và tiền giả được NLC1, NLC2 giấu trong hộp bưu kiện, gửi đến địa chỉ của T thông qua dịch vụ giao hàng, thu hộ tiền (SHIP COD) của bưu điện. NLC1 tự thiết kế hộp bưu kiện bằng chất liệu bìa carton chia làm 02 ngăn, ngăn lớn để mực xăm với mục đích ngụy trang tránh sự phát hiện của nhân viên bưu điện khi kiểm tra, ngăn nhỏ để tiền giả. NLC1, NLC2 gửi video có nội dung hướng dẫn chỗ cất giấu tiền giả trong hộp bưu kiện cho T xem. Trong đó:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 08/4/2020 T trao đổi, thống nhất mua của NLC1, NLC2 1.500.000 đồng tiền thật lấy 10 triệu đồng tiền giả và cung cấp thông tin để NLC1, NLC2 gửi tiền giả là T, SĐT 0366.961.969, ấp Đa Phú, phường 7, thành phố Đà Lạt. Ngày 12/4/2020, anh Trần Văn C, sinh năm 1996, trú tại số 70 Vạn Hạnh, phường 8, thành phố Đ (là bưu tá) gọi điện thông báo T nhận bưu phẩm, do bận việc T đã gọi điện nhờ Hồ Văn Phúc, sinh năm 1994, trú tại 59 hẻm Huyện Trần Công Chứa, phường 4, thành phố Đà Lạt (là bạn) nhận hộ. Phúc đồng ý sau đó có việc đột xuất Phúc đã thông báo lại và T. Trưa ngày 12/4/2020 T liên hệ gặp anh C tại cây xăng Hạnh Phúc, đường Trần Bình Trọng, thành phố Đà Lạt nhận bưu kiện mã vận đơn EC427456483VN và thanh toán cho anh C số tiền 1.546.000 đồng (gồm 1.500.000 đồng là tiền mua tiền giả, 46.000 đồng là phí vận chuyển). T nhận mở bưu kiện thấy bên trong có 01 lọ dung dịch đựng chất lỏng và 10 triệu đồng tiền giả, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng. T đem cất giấu số tiền giả trong vườn ở Suối Chơ Mui, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Lần thứ hai:** Cách lần thứ nhất khoảng 1 tuần, với hình thức giao dịch như lần 1, T tiếp tục đặt mua của NLC1, NLC2 04 triệu đồng tiền thật lấy 24 triệu đồng tiền giả. Do số lượng tiền giả mua lớn để tránh bị phát hiện, T yêu cầu chia tiền giả làm 02 hộp bưu kiện, gửi tới 02 địa chỉ khác nhau, NLC1, NLC2 đồng ý. Ngày 17/4/2020, NLC1, NLC2 gửi bưu kiện chứa tiền giả mã vận đơn EG424086449VN đến địa chỉ: T, SĐT 0366.961.696, ấp Đa Phú, phường 7, thành phố Đà Lạt và bưu kiện mã vận đơn EG424086452VN đến địa chỉ: Tuấn, Milanô, Đa Nghị, huyện

Lạc Dương (đường vào bằng tiên Đà Lạt), SĐT 0334.933.379 theo địa chỉ T cung cấp. Đồng thời, do tránh bị phát hiện nên T sắp xếp nhận hai bưu kiện chứa tiền giả vào hai ngày khác nhau. Ngày 22/4/2020 tại ngã tư Đa Phú, phường 7, thành phố Đà Lạt, T nhận từ bưu tá C bưu kiện chứa tiền giả mã vận đơn EG424086449VN và thanh toán cho anh C 2.047.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng là tiền mua tiền giả, 47.000 đồng là phí vận chuyển). Ngày 26/4/2020, T hẹn gặp anh Lê Văn L, sinh năm 1980, trú tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (là bưu tá) tại quán cafe Miilano, Đa Nghịt, xã L, huyện L, Lâm Đồng nhận bưu kiện chứa tiền giả mã vận đơn EG424086452VN và thanh toán cho anh Luyện số tiền 2.046.000 đồng (gồm 02 triệu đồng là tiền mua tiền giả, 46.000 đồng là phí vận chuyển). Sau khi nhận mở hai bưu kiện kiểm tra T thấy bên trong mỗi bưu kiện có 01 lọ dung dịch đựng chất lỏng và 12 triệu đồng tiền giả, loại mệnh giá 500.000 đồng kích thước tờ tiền không bằng nhau, màu sắc đậm hơn tiền thật, hình ảnh in trên tiền kém sắc nét so với tiền thật, nhiều tờ tiền có số seri giống nhau. T đã lấy toàn bộ giả mua được của lần trước tập hợp lại và mang cất giấu 34 triệu đồng tiền giả mua được trong vườn T thuê ở Suối Chơ Mui, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Sau đó, T sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng mua thẻ điện thoại mệnh giá 50.000 đồng tại quán tạp hóa của ông Phạm Quốc Thịnh, sinh năm 1960 ở số 12 đường Trần Lê và sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng mua thẻ điện thoại mệnh giá 50.000 đồng tại quán tạp hóa của bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm: 1970 ở số 28 đường T đều ở phường 4, thành phố Đ đều không bị phát hiện và nhận trả lại 900.000 đồng tiền thật. Tiếp đó, T sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đem mua thuốc lá tại quán tạp hóa của ông Lê Văn U, sinh năm 1960 ở số 174 Mê Linh, phường 9, thành phố Đ thì bị ông U phát hiện là tiền giả đã trả lại T. Do lo sợ hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, T đem đốt toàn bộ số tiền giả còn lại ở vườn T thuê.

Tài liệu điều tra xác định chủ thuê bao số điện thoại 0366.961.969 mà T đã sử dụng giao dịch mua bán tiền giả với NLC1, NLC2 là Trương Sỹ T; Số điện thoại 0334.933.379 T sử dụng để nhận tiền giả lần thứ hai là của T, T sử dụng từ năm 2019 nhưng không đăng ký chính chủ.

Các đối tượng NLC1, Phương, NLC2 và một số đối tượng khác đã được xét xử trong vụ án khác.

Tại Bản Cáo trạng số 59/CT-VKS-P1 ngày 09-6-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trương Sỹ T về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Sỹ T phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s,t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Trương Sỹ T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Tháng 3/2020, Trương Sỹ T đã nhiều lần thực hiện hành vi liên hệ giao dịch với NLC1, NLC2 để mua 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng) tiền giả nhằm mục đích lưu hành và đã lưu hành 02 lần với số tiền 01 triệu đồng tiền giả. Trương Sỹ T đã giao dịch mua tiền giả với NLC1 và NLC2 nên giữ vai trò đồng phạm với NLC1, NLC2 trong hành vi lưu hành tiền giả.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 207 BLHS. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây NLC1 hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, gây bất ổn cho nền kinh tế và gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo

có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì hám lợi đã cố ý phạm tội, với số tiền giả có giá trị thực tế là 34.000.000 đồng và đã lưu hành 1.000.000 đồng. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian; nhằm mục đích trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Sỹ T phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo sau khi bị bắt cũng đã tự nguyện nộp 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo T đã tích cực giúp Công an tỉnh Nam Định truy bắt một số đối tượng ma túy nên Trương Sỹ T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo mua tiền giả về nhằm mục đích lưu hành và đã lưu hành được nên cần áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[5] Đối với Hồ Văn Phúc là người được Trương Sỹ T nhờ nhận tiền giả tuy nhiên quá trình điều tra xác định Hồ Văn P không liên quan nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với ông Phạm Quốc T chủ tiệm tạp hóa số 12 đường T và bà Lê Thị Tuyết M chủ tiệm tạp hóa số 28 đường T đều ở phường 4, thành phố Đ không xác định được Trương Sỹ T là người đã sử dụng tiền giả để mua thẻ điện thoại tại cửa hàng của mình và không yêu cầu bồi T thiệt hại nên không đặt ra xem xét

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 sim điện thoại số 0334933379 bị cáo T dùng để giao dịch tiền giả do không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu hồng, đã cũ thu giữ của Trương Sỹ T, xét bị cáo T sử dụng điện thoại này để giao dịch tiền giả nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo T tự nguyện khắc phục.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 207, điểm b, s, t khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Sỹ T phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”;

Xử phạt bị cáo Trương Sỹ T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2021.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 207. Phạt tiền bị cáo Trương Sỹ T 20 (hai mươi) triệu đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0334933379;

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 màu hồng, đã cũ thu giữ của Trương Sỹ T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng. Theo Ủy nhiệm chi số 05 ngày 14/6/2021 của Công an tỉnh Nam Định.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận tài sản thi hành án số 55/21 ngày 10/6/2021 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định)

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND+VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoài Nam